TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 285/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 17 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 59, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 397/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Lê Thị Kiều Trúc O, sinh: 1976

Ông Bùi Quang S, sinh: 1973

Cùng địa chỉ: Khu phố MT, Phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S có hai con chung tên Bùi Lê Huỳnh N, sinh ngày 17/10/1998 và Bùi Quang Tùng D, sinh ngày 10/11/2011. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Kiều Trúc O là người trực tiếp nuôi con chung Bùi Quang Tùng D, ghi nhận ông Bùi Quang S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Quang Tùng D 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung Bùi Quang Tùng D đủ 18 tuổi. Riêng con chung Bùi Lê Huỳnh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Bùi Quang S được quyền tới thăm chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S cùng khai không có,

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0019688 ngày 24/9/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S có hai con chung tên Bùi Lê Huỳnh N, sinh ngày 17/10/1998 và Bùi Quang Tùng D, sinh ngày 10/11/2011. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Kiều Trúc O là người trực tiếp nuôi con chung Bùi Quang Tùng D, ghi nhận ông Bùi Quang S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Quang Tùng D 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung Bùi Quang Tùng D đủ 18 tuổi. Riêng con chung Bùi Lê Huỳnh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Bùi Quang S được quyền tới thăm chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S cùng khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Kiều Trúc O và ông Bùi Quang S phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0019688 ngày 24/9/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- UBND Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].